

Cách thức duy trì tình cảm vợ chồng trong gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975

Trần Thị Vân Nương

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Trên cơ sở dữ liệu định lượng và định tính từ khảo sát tại ba xã là An Ninh, An Quý và An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về gia đình nông thôn Bắc Bộ giai đoạn 1960-1975, trong khuôn khổ hệ đề tài cấp cơ sở năm 2017 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, bài viết trình bày và bàn luận về chủ đề duy trì đời sống tình cảm vợ chồng trong gia đình nông thôn những năm 1960-1975. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một số yếu tố như sự quan tâm chăm sóc đến những nhu cầu cơ bản hàng ngày, sự chung thủy và tôn trọng giá trị chung thủy; các hành động thể hiện sự chia sẻ để vượt qua khó khăn và cách thức giải quyết mâu thuẫn tích cực có vai trò lớn trong việc duy trì đời sống tình cảm của các cặp vợ chồng trong giai đoạn này.⁽¹⁾

Từ khóa: Gia đình; Gia đình nông thôn; Đời sống tâm lý-tình cảm vợ chồng; Miền Bắc giai đoạn 1960-1975.

Ngày nhận bài: 20/11/2017; ngày chỉnh sửa: 3/1/2018; ngày duyệt đăng: 20/3/2018.

Giới thiệu

Duy trì đời sống tình cảm vợ chồng là khía cạnh có ý nghĩa trong nghiên cứu mối quan hệ giữa vợ và chồng bởi những ảnh hưởng của nó

đối với chất lượng và việc đảm bảo hôn nhân bền vững. Nghiên cứu về đời sống tâm lý - tình cảm vợ chồng ở mỗi giai đoạn lịch sử xã hội có vai trò quan trọng trong quá trình tìm hiểu sự biến đổi khuôn mẫu hôn nhân và gia đình. Thời kỳ 1960-1975 ở miền Bắc nước ta, quan hệ hôn nhân gia đình chịu tác động từ hai phía trong tiến trình phát triển xã hội. Thứ nhất là những ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng phong kiến vốn đã ăn sâu vào đời sống xã hội từ nhiều thế kỷ nay. Thứ hai là tác động của bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội do quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế và hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, việc ban hành chính sách hôn nhân gia đình và các biến động cơ học về mặt dân số - xã hội trong thời gian đó.

Các nghiên cứu quốc tế về gia đình đã chỉ ra một số yếu tố tự thân trong chính đời sống tâm lý - tình cảm vợ chồng có tác động duy trì, thúc đẩy sự bền vững của hôn nhân như sự giao tiếp tích cực, thời gian dành cho nhau, đời sống tinh thần ổn định và khả năng đương đầu với những căng thẳng, khó khăn và sự chia sẻ, thống nhất trong các lĩnh vực của đời sống vợ chồng (Bradley Vanover, 2016). Bên cạnh đó, một số nghiên cứu tại châu Á nhấn mạnh một nhận thức ngày càng được công nhận rộng rãi là tính bền vững và biến đổi của các mối quan hệ gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi cả môi trường gia đình (cha mẹ và họ hàng) và môi trường xung quanh (nền kinh tế, văn hoá, v.v.) mà cặp vợ chồng đang sống trong đó và chính quan hệ giữa các cặp vợ chồng cũng tác động trở lại bối cảnh kinh tế xã hội (Gavin W.Jones, 2010). Các nghiên cứu về gia đình và người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử cũng khẳng định bối cảnh kinh tế, xã hội và môi trường gia đình có tác động rõ nét đến các mối quan hệ gia đình, nhất là mối quan hệ vợ chồng. Chẳng hạn, nghiên cứu thực nghiệm ở một xã miền Bắc trong thời kỳ 1960-1975 cho thấy, trong bối cảnh chiến tranh chống Mỹ, khi những thanh niên và trung niên khỏe mạnh nhất đã ra tiền tuyến, phụ nữ ở lại địa phương đảm nhiệm hầu hết công việc của nam giới (Phạm Bích Hằng, 2002). Đa số phụ nữ khẳng định đây là thời kỳ vất vả nhất bởi họ phải gánh vác nhiều vai trò trong bối cảnh kinh tế khó khăn, mặt khác bởi sự tồn tại dai dẳng của những hủ tục văn hóa tạo nên những ràng buộc trong cuộc sống. Như vậy, trong bối cảnh kinh tế khó khăn và chiến tranh chia cắt, các cặp vợ chồng đã duy trì tình cảm đôi lứa như thế nào và những yếu tố nào tác động đến quá trình duy trì tình cảm vợ chồng trong gia đình giai đoạn đó?

Sử dụng dữ liệu khảo sát tại ba xã thuộc huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình năm 2017 với 401 bảng hỏi định lượng và 16 phỏng vấn sâu, bài viết tìm hiểu cách thức duy trì đời sống tình cảm vợ chồng qua một số chỉ báo cơ bản như các hành động/hoạt động nào thể hiện tình yêu, tình cảm vợ chồng; cách thức gìn giữ sự chung thủy vợ chồng nhất là đối với những cặp vợ chồng thường xuyên phải sống xa nhau; cách giải quyết mâu thuẫn

và vượt qua khó khăn để duy trì tình cảm vợ chồng trong giai đoạn này.

Các yếu tố cá nhân được xem xét bao gồm tôn giáo, trình độ học vấn, thời điểm kết hôn của người trả lời, khoảng thời gian xa nhau của hai vợ chồng và lĩnh vực việc làm của người vợ và người chồng trong năm đầu và năm thứ 5 sau khi kết hôn. Các yếu tố gia đình bao gồm mức sống và quy mô gia đình được đưa vào để xem xét sự tương đồng và khác biệt giữa các nhóm xã hội trong việc duy trì đời sống tình cảm vợ chồng.

1. Các hành động thể hiện tình yêu/tình cảm vợ chồng

Trong đời sống vợ chồng, nhất là đối với những cặp vợ chồng mới cưới, các hoạt động sử dụng thời gian cùng nhau rất có ý nghĩa để gia tăng sự hiểu biết và chia sẻ tình cảm lẫn nhau. Các tư liệu nghiên cứu thời kỳ này cho thấy ngoài những cặp vợ chồng xa nhau vì điều kiện công việc như chồng đi thoát ly hoặc tham gia kháng chiến thì đối với các cặp vợ chồng sinh sống và làm việc tại địa phương, hoạt động lao động sản xuất thường là hoạt động hai vợ chồng cùng nhau tham gia nhiều nhất.

Số liệu khảo sát cho thấy, trong số các hoạt động giải trí được khảo sát, hoạt động đi chơi nhà hàng xóm là hoạt động hai vợ chồng tham gia thường xuyên cùng nhau cao nhất (24%), tiếp đến là đi chùa/nhà thờ văn cảnh (8,9%), cùng nghe đài (8,5%); đi xem ca nhạc, chiếu bóng (7,2%); các hoạt động còn lại chiếm tỷ lệ không đáng kể. Trao đổi tại các cuộc phỏng vấn sâu, người tham gia nghiên cứu cho biết nguyên nhân cơ bản nhất là do thiếu vắng các điều kiện hoặc cơ sở vật chất cho hoạt động giải trí trong thời kỳ đó. Nguyên nhân thứ hai là do điều kiện kinh tế khó khăn, nhu cầu đầu tiên và cấp thiết nhất là đủ ăn, đủ mặc. Nguyên nhân thứ ba được nhắc tới đó là sự tác động của các chuẩn mực văn hóa truyền thống - việc thể hiện tình yêu, tình cảm vợ chồng bên ngoài không gian riêng của hai vợ chồng là điều bị hạn chế khi đó. Do đó, ngoại trừ thời gian cùng nhau lao động sản xuất và đi thăm họ hàng, các cặp vợ chồng rất ít khi đi cùng nhau trong các hoạt động giải trí.

Hồi ấy, nếu hai vợ chồng cùng đi thì một năm cũng đôi ba lần về bên ngoài. Còn không thì mình mình đi, thỉnh thoảng sang các cụ lại thương, lại cho ít gạo mang về. Làm gì có lúc nào vợ chồng đi chơi, đi xem ở đâu, anh ấy về có mấy ngày, đọc đi chào họ hàng, rồi quanh quẩn ở nhà đã thấy loáng một cái lại đến lúc đi rồi (PVS nữ, sinh năm 1954, chồng bộ đội).

Khi có chiếu phim thì có đi chứ, mau mau chóng chóng làm hết việc rồi mà đi. Nhưng mình đi với bạn của mình còn anh ấy đi với bạn của anh ấy. Chả đi cùng nhau. Cái hồi ấy nó thế (PVS nữ, sinh năm 1952, gia đình thoát ly).

Yếu tố học vấn lúc kết hôn của người vợ và người chồng, khu vực làm

việc, hoàn cảnh kinh tế gia đình của người vợ, việc làm chính trong năm đầu tiên kết hôn, thậm chí yếu tố loại nhà ở của gia đình có mối liên hệ chặt chẽ với một số hoạt động giải trí cùng nhau của hai vợ chồng trong khảo sát này. Chẳng hạn, trong các gia đình mà người vợ có học vấn lúc kết hôn từ lớp 8 trở lên, tỷ lệ hai vợ chồng cùng nhau nghe đài lần lượt cao hơn ở nhóm người vợ có học vấn lúc kết hôn từ lớp 5-7 và dưới lớp 4.

Động viên nhau những lúc khó khăn là hành động diễn ra phổ biến và thường xuyên nhất giữa các cặp vợ chồng trong giai đoạn này (87,7%). Điều này cũng được khẳng định lại qua các phỏng vấn sâu đối với cả phụ nữ và nam giới, bởi *“trong thời buổi như thế, ai cũng khó khăn cả, chỉ biết động viên nhau vượt qua khó khăn khổ cực chứ biết làm sao, thời thì mẹ mày dấn lên một tí, cả bố cả mẹ dấn lên một tí thì con nó có thêm cái ăn”* (PVS, nam, sinh năm 1954).

Hai hành động tiếp theo được nhiều người lựa chọn để thể hiện tình yêu/tình cảm đến vợ/chồng mình là quan tâm thường xuyên về sức khỏe và chuyện ăn uống hàng ngày, với tỷ lệ lần lượt là 87,2% và 82,7%. Điều này là phù hợp với lý thuyết bậc thang nhu cầu của Maslow (1943) cho rằng hành vi của con người bắt nguồn từ nhu cầu của họ và các nhu cầu này được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ thấp đến cao và nhu cầu cơ bản nhất là nhu cầu về sinh vật học rồi nhu cầu về sự an ninh/an toàn, bởi trong bối cảnh kinh tế thiếu thốn, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm và môi trường chiến tranh bất ổn, con người chỉ có thể hướng đến những nhu cầu cơ bản nhất như đảm bảo đủ ăn, đủ mặc, khỏe mạnh và được an toàn. Cũng vì vậy, sự quan tâm dường như có giá trị nhất trong đời sống tình cảm gia đình, thậm chí là giữa vợ và chồng là sự quan tâm về sức khỏe và việc chăm sóc về ăn uống.

Phụ nữ chúng tôi cái thời đó nhường cơm là chuyện bình thường, bụng đói là chuyện bình thường. Miếng ngon phần chồng phần con là chuyện đương nhiên. Cái thời mới cưới, nhà đông anh em, tôi mới về làm dâu, chỉ ngồi xới cơm cho tất cả mọi người đã hết bữa cơm, nhưng anh xã cứ tranh thủ gấp cho tí thức ăn, đó là điều tôi nhớ mãi (PVS, nữ, sinh năm 1957).

Sự quan tâm ngày ấy nó khác bây giờ, nói không phải khoe chứ, cả xóm này đều khen tớ sướng vì ông xã tâm lý, từ trước đến giờ vẫn vậy, trước mình đi làm ngoài đồng về mệt, anh biết mình về là nấu trước một nồi nước lá thơm cho mình tắm gội. Mình cũng coi đấy là việc bình thường, nhưng nhiều người khác không được quan tâm thế đâu (PVS, nữ, sinh năm 1953).

Những hành động có tỷ lệ lựa chọn cao theo quan điểm của người trả lời về việc thể hiện tình cảm tình yêu của họ với người bạn đời dường như là những giá trị thống nhất trong cả cộng đồng. Không có sự khác biệt có

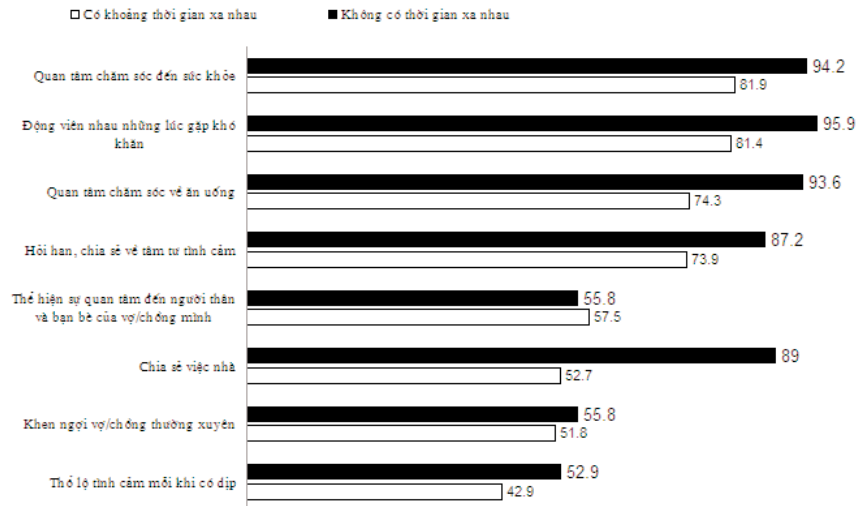
ý nghĩa thống kê về nhóm tuổi, nghề nghiệp, học vấn của người trả lời đối với sự lựa chọn này. Cả nam giới và phụ nữ, ở bất kể độ tuổi nào, làm công việc gì và có trình độ học vấn ra sao cũng đều có quan điểm cho rằng, trong bối cảnh kinh tế eo hẹp, đất nước còn loạn lạc chiến tranh thì sự thể hiện tình yêu có ý nghĩa nhất đối với vợ/chồng mình là sự chăm lo về sức khỏe, sự an toàn để cùng nhau vun đắp gia đình.

Hai hành động được xem là hiện đại hơn như “*khen ngợi vợ/chồng thường xuyên*” và “*thổ lộ tình cảm khi có dịp*” cũng được lựa chọn đưa vào để tìm hiểu. Tuy vậy, hai hành động này có tỷ lệ lựa chọn thấp hơn trong số 8 hành động được đưa ra khảo sát, với tỷ lệ lần lượt là 53,5% và 47,2%. Điều đáng lưu ý là kiểm định Chi-square không cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ, giữa các nhóm xã hội có nghề nghiệp, tôn giáo, trình độ học vấn khác nhau trong việc lựa chọn hoạt động này. Điều này gợi lên luận điểm cho rằng cộng đồng khảo sát ở thời điểm đó khá thuần nhất về quan điểm ứng xử, các nhóm dân cư chia sẻ cùng một loại giá trị và chuẩn mực, do đó các hành động ứng xử dường như tuân theo những khuôn mẫu nhất định.

Yếu tố duy nhất tác động đến sự khác biệt trong hành động thể hiện tình yêu/tình cảm giữa vợ và chồng trong gia đình giai đoạn này đó là hai vợ chồng có trải qua khoảng thời gian xa nhau trong 5 năm đầu của cuộc hôn nhân hay không. Với giả thuyết của nhóm nghiên cứu là phải chăng những cặp vợ chồng có thời gian xa nhau sẽ có sự động viên nhau những lúc khó khăn, khen ngợi và thổ lộ tình cảm với nhau khi có dịp nhiều hơn những cặp thường xuyên sống gần nhau. Bởi lô-gic đơn giản là càng xa nhau người ta càng cần được động viên để vun đắp tình cảm. Tuy vậy, số liệu thống kê chứng minh điều ngược lại so với giả thuyết của chúng tôi. Các hành động động viên, chia sẻ, tâm sự, quan tâm, thậm chí khen ngợi và thổ lộ tình cảm đều được thể hiện thường xuyên hơn ở những cặp vợ chồng sống gần nhau. Lý giải từ các thông tin định tính cho thấy trở ngại về thông tin liên lạc trở thành một rào cản cho việc thể hiện tình yêu, tình cảm giữa các cặp vợ chồng phải sống xa nhau.

Hành động hỏi han, chia sẻ về tâm tư tình cảm và chia sẻ việc nhà với vợ/chồng cũng được người trả lời lựa chọn thường xuyên để thể hiện và duy trì tình cảm với vợ/chồng trong bối cảnh gia đình những năm 1960-1975. Trong các nghiên cứu ở gia đình hiện đại thì việc hỏi han về công việc, sự nghiệp và chia sẻ việc nhà là hai hành động thường xuyên thể hiện sự gắn kết giữa vợ và chồng (Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008). Phát hiện từ nghiên cứu này cũng cho thấy chia sẻ việc nhà là một trong những hành động được người trả lời hàm ý là một cách thể hiện tình yêu đối với vợ/chồng mình. Tuy vậy, khái niệm việc nhà trong nghiên cứu

Biểu đồ 1. Tương quan giữa hoạt động thể hiện tình yêu/tình cảm với hoàn cảnh sống của vợ chồng (%)



này được hiểu với nội hàm dường như rộng hơn so với khái niệm việc nhà trong các nghiên cứu về hôn nhân hiện đại. Theo những người phụ nữ nông thôn Thái Bình, việc nhà ngoài những việc về chăm sóc, nấu nướng, giặt giũ còn bao gồm cả việc sản xuất, trồng cấy, cày bừa, chăn nuôi, những việc tạo nguồn của cải vật chất chung nuôi sống cả hộ gia đình.

Quan trọng nhất là biết đỡ đần nhau mọi việc. Ông ấy đi về không nề hà chuyện gì, gánh phân, gánh cỏ. Mọi việc nhà hai vợ chồng đều có thể chia sẻ thế là được rồi (PVS, nữ, sinh năm 1947).

Một thực tế là trong xã hội truyền thống, chức năng của gia đình là cả đơn vị kinh tế và tình cảm, thì đến sau này, cùng với sự phát triển, gia đình có xu hướng chuyển từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm do nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm của các gia đình tăng lên. Trong xã hội hiện đại, khi cả người vợ và người chồng đều có công việc riêng ngoài xã hội chiếm phần lớn thời gian trong ngày của mỗi người thì việc chia sẻ hỏi han về công việc của nhau là một trong những yếu tố quan trọng, cần thiết để nối dài tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, trong gia đình truyền thống, nơi mà người vợ và người chồng chia sẻ với nhau nhiều hơn về thời gian và công việc chung cho kinh tế gia đình thì nhu cầu hỏi han chia sẻ về tâm tư, tình cảm nói chung lại được đề cao hơn việc chia sẻ về công việc của mỗi người. Điều này tạo nên một kiểu gắn kết khác biệt so với kiểu gắn kết của vợ chồng trong gia đình hiện đại. Theo đó, với gia đình hiện đại, để tạo nên sự gắn kết giữa vợ và chồng dường như cần sự

nỗ lực từ cả hai phía, sự chủ động chia sẻ, hỏi han đối với người bạn đời của mình để tìm thấy điểm chung. Nhưng trong gia đình truyền thống, theo lý thuyết Gắn kết, tình thương yêu, những giá trị chung và mối quan hệ tích cực tạo nên tình đoàn kết và sự gắn bó giữa vợ và chồng một cách tự nhiên. Tức là cấu trúc gia đình, không gian sinh hoạt và tính chất công việc tạo cơ hội dễ dàng cho vợ chồng quan tâm đến công việc và cuộc sống của nhau. Như vậy, mối quan hệ tâm lý - tình cảm giữa vợ và chồng ở gia đình trong giai đoạn những năm 1960-1975 được duy trì và phát triển một cách tự nhiên và đơn giản bởi sự gắn bó với những chức năng và cấu trúc tự nhiên của gia đình trong bối cảnh đó.

Các kết quả nghiên cứu ở khía cạnh tâm lý học cũng chỉ ra rằng khi vợ và chồng càng có nhiều điểm chung, không nhất thiết là chung về sở thích hay tính cách mà đơn giản là có những thông tin chung, hiểu biết chung, việc làm chung, thì đó cũng là một lợi thế để duy trì và vun đắp tình cảm yêu đương. Điểm rất thú vị là, trong các nghiên cứu về gia đình sau những năm 2000, một chỉ báo thể hiện sự tôn trọng và chia sẻ trong giao tiếp vợ chồng là “báo tin cho vợ/chồng biết lý do về nhà chậm sau giờ làm việc” có tỷ lệ lựa chọn rất cao với hàm ý tôn trọng các cam kết hôn nhân và thể hiện sự quan tâm đến cảm nhận của người vợ/chồng mình. Tuy nhiên, trong nghiên cứu về quan hệ tâm lý - tình cảm vợ chồng giai đoạn những năm 1960-1975 thì chỉ báo này hoàn toàn không có ý nghĩa bởi lẽ cấu trúc gia đình, không gian sinh hoạt và môi trường làm việc của gia đình giai đoạn này hoàn toàn khác so với gia đình giai đoạn sau này. Người vợ và người chồng trong khảo sát của chúng tôi nhớ lại khoảng thời gian những năm đầu sau hôn nhân trong bối cảnh lịch sử 50 năm về trước, nhận thấy rằng cuộc sống vợ chồng dù khó khăn nhưng đơn giản hơn rất nhiều. Một người vợ đã nhấn mạnh từ “*tự nhiên*” rất nhiều lần khi so sánh cách giao tiếp vợ chồng trong gia đình bà trước đây với gia đình cháu bà hiện nay.

Không, chả câu nệ chuyện báo tin hay trình báo gì đâu. Vì thực ra việc nhà có gì đâu. Đi làm thì hai vợ chồng cùng đi, việc đội việc tổ, ai chả biết, có xa xôi gì đâu, mỗi ngày đi làm về lại kể chuyện với nhau rồi. Còn việc làng việc họ thì có khách đến nhà nói ông ổng trong nhà, mình ngoài sân trong buồng đều biết rõ rồi, có gì mà phải báo tin với xin phép. Cùng lắm là nếu có đi đâu, về ngoại hay đi chợ thì bữa cơm cũng nói để cả nhà đều biết. Cứ nói tự nhiên thế thôi. Nói chung là mọi việc cứ tự nhiên mình biết thế thôi, chả cần phải hỏi gì cả (PVS nữ, sinh năm 1942).

Như vậy, không gian gia đình truyền thống tạo môi trường giúp con người dễ dàng chia sẻ và đón nhận thông tin người vợ và người chồng của mình. Cũng vì thế họ không cần đặt ra các nguyên tắc để đảm bảo quá trình trao đổi thường xuyên và hiểu biết lẫn nhau như tình huống này trong

gia đình hiện đại.

2. Tôn trọng giá trị chung thủy và giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực

Sự chung thủy vợ chồng là một giá trị đạo đức rất được gia đình Việt Nam truyền thống coi trọng. Lý tưởng của hôn nhân một vợ một chồng là sống với nhau đến đầu bạc răng long. Tác giả Lê Ngọc Văn (2012) cho rằng, trong xã hội truyền thống, người ta đòi hỏi sự chung thủy về phía người vợ nhiều hơn về phía người chồng. Trong bối cảnh chiến tranh, sự chung thủy của người vợ ở hậu phương được nhấn mạnh tuyệt đối (Phạm Bích Hằng, 2002). Dữ liệu khảo sát tại Thái Bình cho thấy tỷ lệ mâu thuẫn liên quan đến chuyện ghen tuông và sự không chung thủy của vợ/chồng chiếm tỷ lệ rất nhỏ, lần lượt là 2% và 0,7%. Dữ liệu định tính cũng cho thấy cả nam giới và nữ giới đều tin tưởng trước nhất vào người bạn đời của mình và những người xung quanh trong cộng đồng của họ.

Chả ai dám nghĩ đến chuyện ấy đâu (chuyện ngoại tình), đồng áng cả ngày, rồi về còn gà què, cơm nước, cũng phải tranh thủ nuôi con gà, giồng vạt rau. Rồi làng xóm người ta nhìn vào. Nói chung là không như bây giờ (PVS nữ, sinh năm 1943, chồng bộ đội).

Sự chung thủy của những người vợ ở hậu phương được đánh giá bằng gia đình và dư luận xã hội. Do đó, dư luận xã hội được cho là một trong những yếu tố then chốt đảm bảo sự bền vững của hôn nhân và mối liên kết tình cảm giữa người vợ và người chồng trong giai đoạn những năm 1960-1975. Dư luận xã hội ở đây được nhấn mạnh là “hợp tác xã”, “làng xóm”, “láng giềng”. Mọi hành vi ứng xử của cá nhân đều được dựa trên đánh giá về chuẩn mực và khuôn mẫu của cộng đồng, hàng xóm.

Bên cạnh việc giữ gìn giá trị chung thủy để duy trì đời sống tình cảm vợ chồng thì giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực cũng là một trong những cách thức được nhấn mạnh nhằm duy trì đời sống tình cảm vợ chồng trong giai đoạn này. Kết quả khảo sát tại Thái Bình chỉ ra rằng, trong 5 năm đầu sau khi kết hôn, chỉ có 37,7% người trả lời gặp phải mâu thuẫn trong mối quan hệ với vợ/chồng họ (n=151/401). Những cặp vợ chồng sống xa nhau có tỷ lệ mâu thuẫn ít hơn so với những cặp vợ chồng gần nhau hàng ngày. Các yếu tố khác như học vấn, tôn giáo, độ tuổi không có tác động mạnh đến mức độ xảy ra mâu thuẫn trong gia đình người trả lời. Trong số các gia đình có xảy ra mâu thuẫn, lĩnh vực làm ăn sản xuất gây ra nhiều bất đồng nhất theo quan điểm của người trả lời, tiếp đến là cách ứng xử trong đời sống hàng ngày, lần lượt là 44,4% và 42,4%. Mâu thuẫn trong các vấn đề còn lại chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Tương tự, trong sản xuất làm ăn, việc vợ chồng sống gần hay xa nhau

cũng có mối liên hệ chặt chẽ đến tần suất xảy ra mâu thuẫn. Cụ thể, có 36,7% người trả lời thuộc nhóm sống xa vợ/chồng báo cáo có xảy ra mâu thuẫn trong lĩnh vực làm ăn sản xuất của gia đình, tỷ lệ này ở nhóm mà vợ chồng sống cùng nhau lên tới 52,8%. Như vậy, điều này cũng dễ dàng được lý giải là ở nhóm các cặp vợ chồng có thời gian tương tác, va chạm với nhau nhiều hơn thì tần suất xảy ra mâu thuẫn cũng cao hơn so với nhóm còn lại.

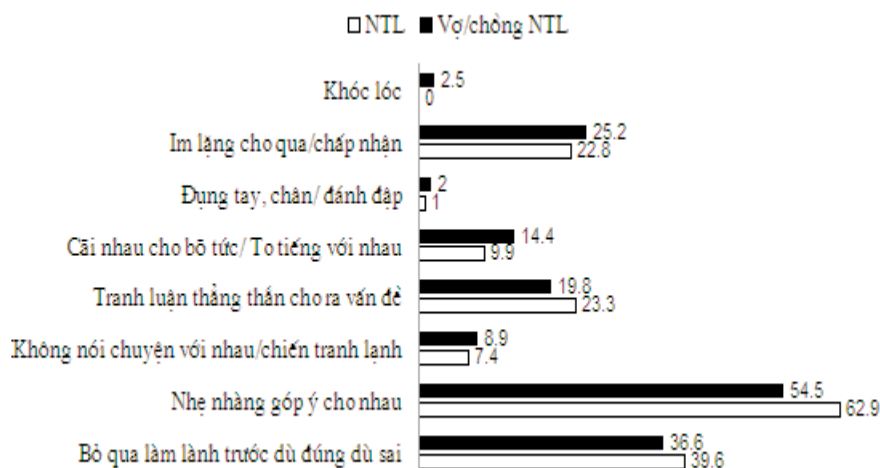
Về mâu thuẫn vợ chồng ở khía cạnh ứng xử trong gia đình, có sự tương đồng ở tất cả các nhóm xã hội đối với việc xảy ra mâu thuẫn ở khía cạnh này. Kết quả từ các phỏng vấn sâu cho thấy không chỉ việc ứng xử giữa vợ và chồng trong những năm đầu sau hôn nhân gây ra nhiều bất đồng cho cả phụ nữ và nam giới, mà các ứng xử giữa người vợ hoặc người chồng đối với các thành viên khác trong gia đình mở rộng cũng là yếu tố tác động đến đời sống tâm lý - tình cảm giữa vợ và chồng.

Về cách ứng xử của người vợ và người chồng khi xảy ra những việc không hài lòng, kết quả khảo sát cho thấy “nhẹ nhàng góp ý cho nhau” là cách ứng xử được thể hiện thường xuyên nhất, với tỷ lệ lần lượt là 62,9% và 54,5% theo đánh giá của người trả lời và vợ/chồng người trả lời. Tiếp theo, phương án “bỏ qua, làm lành trước dù đúng, dù sai” cũng là một cách ứng xử được nhiều người lựa chọn (lần lượt là 39,6% ở người trả lời và 36,6% ở vợ/chồng người trả lời).

Trong tất cả 10 yếu tố được coi là 10 chỉ báo về các yếu tố khả năng xảy ra mâu thuẫn (bao gồm: chuyện làm ăn sản xuất, cách ứng xử, tiền bạc, nuôi dạy con cái, quan hệ họ hàng, có con luôn hay muộn hơn, đời sống tình dục vợ chồng, ghen tuông, vợ/chồng không chung thủy, sắm sửa đồ đạc), thì ba yếu tố có liên quan mật thiết nhất đến đời sống tâm lý - tình cảm như sự ghen tuông, hay chuyện vợ/chồng không chung thủy, hoặc vấn đề nảy sinh từ đời sống tình dục vợ chồng lại là các khía cạnh ít nảy sinh mâu thuẫn nhất. Quay trở lại lý thuyết bậc thang nhu cầu của Maslow, có thể thấy các vấn đề được quan tâm nhất trong bối cảnh xã hội lúc đó như chuyện sản xuất, nhu cầu ăn mặc hàng ngày cũng là những vấn đề dễ gây ra xung đột nhất giữa người vợ và người chồng trong gia đình ở giai đoạn này.

Các yếu tố về học vấn, lứa tuổi, nghề nghiệp và hình thức sống chung không có tác động mạnh tới việc lựa chọn cách “nhẹ nhàng góp ý cho nhau” để xử lý bất đồng giữa vợ và chồng, tuy vậy yếu tố tôn giáo của người trả lời có mối quan hệ rõ rệt. Những người theo Phật giáo có tỷ lệ xử lý mâu thuẫn bằng cách nhẹ nhàng góp ý lần lượt cao hơn so với nhóm người trả lời không theo tôn giáo và theo Thiên chúa giáo, cụ thể là 83,3%; 66,0% và 44,1%. Ngược lại, với cách xử lý “cãi nhau cho bỏ tức/to tiếng

Biểu đồ 2. Ứng xử của NTL và vợ/chồng NTL khi có những việc không vừa ý/ không hài lòng về nhau trong cuộc sống (%)



với nhau” thì nhóm người trả lời theo Công giáo có tỷ lệ lựa chọn cao hơn so với nhóm theo đạo Phật và nhóm không theo tôn giáo, lần lượt là 23,5%; 16,7% và 6,8%. Cách xử lý bất đồng bằng việc “im lặng cho qua/chấp nhận” là lựa chọn bộc lộ rõ sự khác biệt giữa nam và nữ. Có 29,8% phụ nữ lựa chọn cách chấp nhận như là một hình thức xử lý bất đồng, trong khi tỷ lệ này ở nam giới là 15,3%, thấp hơn đáng kể so với nữ giới. Các biện pháp xử lý mâu thuẫn còn lại không cho thấy bất kỳ sự khác biệt nào đối với các nhóm xã hội khác nhau về trình độ học vấn, nghề nghiệp, tôn giáo, độ tuổi. Điểm lưu ý là hình thức ứng xử “đụng tay/đụng chân/ đánh đập” là hình thức giải quyết mâu thuẫn có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất. Như vậy, giải quyết mâu thuẫn tích cực bằng cách thông cảm, bỏ qua và nhẹ nhàng góp ý cho nhau là cách hóa giải những căng thẳng, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân mà các gia đình giai đoạn 1960-1975 đã thực hiện để duy trì đời sống tình cảm gia đình.

Kết luận

Có thể nói đời sống tâm lý- tình cảm vợ chồng nói chung và việc duy trì tình cảm gia đình nói riêng trong giai đoạn lịch sử từ 1960-1975 chịu tác động rất lớn bởi các yếu tố xã hội, lịch sử, trong đó các nhân tố về bối cảnh như chiến tranh, sự chia cắt hai miền đất nước, các chính sách kinh tế - xã hội ở miền Bắc, sự phát triển mô hình hợp tác xã và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc... có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống gia đình và những diễn biến trong đời sống tâm lý- tình cảm giữa vợ và

chồng gia đình nông thôn miền Bắc Việt Nam.

Nhìn chung, các quan hệ ứng xử, sự thể hiện tình cảm, sự quan tâm giữa vợ và chồng không hoàn toàn phản ánh khuôn mẫu truyền thống như giai đoạn trước những năm 1945. Đã có những yếu tố mới tác động đến đời sống tâm lý - tình cảm giữa vợ và chồng giai đoạn này như giá trị của sự tôn trọng và chia sẻ các công việc nhà, sự khuyến khích việc tham gia xã hội của phụ nữ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những chuẩn mực truyền thống, những định kiến giới vẫn còn tồn tại song hành, tác động tiêu cực đến mối quan hệ vợ chồng trong giai đoạn này. Giá trị chung thủy vợ chồng vẫn được coi là giá trị cốt lõi của mọi cuộc hôn nhân, đặc biệt ở giai đoạn lịch sử này. Sự tham gia vào các hoạt động xã hội, các hoạt động hợp tác xã có tác động tích cực đến đời sống tinh thần của cả người vợ và người chồng trong gia đình. Cộng đồng, làng xã và hợp tác xã có vai trò tích cực trong việc điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong gia đình và xã hội.■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp cơ sở năm 2017 “Đời sống tâm lý- tình cảm giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975”.

Tài liệu trích dẫn

- A. H Maslow. 1943. “A Theory of Human Motivation”. Originally Published in *Psychological Review*, 50, 370-396. <http://psychclassics.yorku.ca/Maslow/motivation.htm>
- Bradley Vanover. 2016. “Important Factors in Marital Success and Satisfaction: Marriage Counselors’s Perspectives”. *Master of Social Work Clinical Research Papers*. Paper 685. http://sophia.stkate.edu/msw_papers/685
- Gavin W.Jones. 2010. “Changing Marriage Partterns in Asia”. *Asia Research Institute Working Paper Series*, No.131. http://www.ari.nus.edu.sg/wps/wps10_131.pdf
- Lê Ngọc Văn. 2012. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Phạm Bích Hằng. 2002. “Địa vị của phụ nữ nông thôn thời kỳ chiến tranh chống Mỹ”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*. Số 3-2002.
- Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (đồng chủ biên). 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.